

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 11 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và ông Đào Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Vương Minh T - Sinh năm 1990.

Nơi sinh: Xã C, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Số F đường T, khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Vương Văn H - đã chết và bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1971; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Họ và tên vợ: Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1990 (đã ly hôn). Bị cáo có 1 con sinh năm 2017.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giữ: Không.

Tạm giam: Từ ngày 06/6/2023 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Văn T2 - sinh năm 2002.

Nơi sinh: Xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Phạm Văn C - sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1978; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa kết hôn.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 06/6/2023.

Tạm giam: Từ ngày 06/6/2023 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Phạm Văn Đ - sinh năm 2002.

Nơi sinh: Xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Phạm Văn C - sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1978; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ ba. Bị cáo chưa kết hôn.

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Tạm giữ: Từ ngày 02/6/2023 đến ngày 06/6/2023.

Tạm giam: Từ ngày 06/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vũ Ngọc C1, sinh năm 2001 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người chứng kiến:

+ Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1998 (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vương Minh T, Phạm Văn T2, Phạm Văn Đ là bạn bè quen biết ngoài xã hội, T2 và Đ là anh em sinh đôi.

Ngày 23/5/2023, T sử dụng điện thoại IphoneX lắp sim số 0984.356.109 đặt mua của người không quen biết qua mạng xã hội (ứng dụng Telegram, tên đăng nhập “bee Mr”) 1 gói ma túy loại cần sa với giá 220.000đ, mục đích để về chia nhỏ bán kiếm lời. Ngày 26/5/2023, T nhận được gói ma túy đã đặt mua thông qua S giao hàng (không xác định được là ai, ở đâu) và trả tiền trực tiếp cho S. Sau đó, T cầm gói ma túy đổ vào hộp nhựa cất giấu trong phòng ngủ của

mình. Cùng ngày, T gặp và nói chuyện với Đ về việc mình có ma túy, nếu Đ có nhu cầu mua thì T sẽ bán, đồng thời cho Đ số điện thoại và số tài khoản ngân hàng để giao dịch.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/6/2023, trong lúc T2 và Đ đang ở nhà thì Vũ Ngọc C1 (là bạn của T2) sử dụng điện thoại Iphone 11 ProMax (mượn của anh Phạm Văn Q) nhắn tin qua ứng dụng Messenger, tên đăng nhập “*Vũ Ngọc C1*” đến tài khoản “*Phạm T2*” (T2 dùng điện thoại Iphone 7, lắp sim số 0375.874.246) hỏi mua ma túy cỏ, T2 đồng ý bán cho C1 với giá 500.000đ/gói và yêu cầu C1 chuyển tiền qua số tài khoản của Đ. C1 đồng ý và chuyển số tiền 500.000đ từ tài khoản của mình số 0341007210503 tại Ngân hàng V1 qua ứng dụng Internet Banking đến số tài khoản 1016270488 tại Ngân hàng V1 của Đ (Đ sử dụng điện thoại Iphone 7 Plus lắp sim số 0393.276.853). Sau khi đã chuyển tiền thành công, C1 chụp màn hình gửi cho T2, T2 đưa cho Đ xem tin nhắn và xác nhận C1 đã chuyển khoản và đưa cho Đ 300.000đ bảo Đ đến nhà T mua ma túy về bán cho C1. Đ gọi điện cho T đặt mua 1 gói ma túy loại cần sa với giá 300.000đ, T đồng ý. Sau đó T đi lên phòng ngủ đồ số ma túy ở hộp nhựa vào túi nilon rồi gọi điện hẹn Đ đến khu vực bờ sông S thuộc thôn V, xã V để lấy ma túy. T điều khiển xe mô tô BKS 34P5 - 0652 (mượn của anh Phạm Văn V - sinh năm 1993, trú tại khu T, thị trấn K, huyện B) đi từ nhà đến bờ sông S gặp đưa cho Đ túi ma túy, Đ bảo T cho nợ tiền, đến tối cùng ngày sẽ chuyển khoản trả, T đồng ý. Sau đó Đ mang túi ma túy vừa mua về đưa cho T2 để bán lại cho C1 rồi Đ đi chơi.

Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, C1 thuê xe ôm của người không quen biết đi cùng anh Q đến nhà T2 để lấy ma túy như đã hẹn. Khi đến nơi, T2 đưa cho C1 1 túi nilon bên trong chứa ma túy loại cần, C1 nhận và cất giấu vào trong túi quần bên trái đang mặc trên người, cùng lúc này Đ cũng đi chơi về đến nhà. Ngay lúc đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong người Chiến 1 túi nilon KT (4 x 7)cm bên trong có chứa các mảnh cành, thân lá màu nâu của thực vật khô, T2 và C1 khai nhận đó là ma túy loại cần sa C1 vừa mua của T2 để sử dụng. T2 tự nguyện giao nộp điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, lắp sim số 0375.874.246. Ngày 02/6/2023, Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận hành vi của mình, đồng thời giao nộp số tiền 300.000đ và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vương Minh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 1 hộp nhựa hình trụ cao 26cm, đường kính 15cm bên trong

có bím dính chất màu xanh; 1 túi nilon KT (8 x 13)cm bên trong có 35 và túi nilon màu trắng đều có KT (4 x 7)cm. Quản lý xe mô tô BKS 34P5 - 0652 và điện thoại Iphone X của T.

Kết luận giám định số 286/KL-KTHS ngày 04/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Các mảnh thực vật khô thu giữ của Vũ Ngọc C1 gửi đến giám định tổng khối lượng là 2,782g là ma túy, loại cần sa; Chất màu xanh bím dính bên trong hộp nhựa thu tại chỗ ở của Vương Minh T gửi đến giám định là ma túy, loại cần sa. Lượng mẫu bím dính rất nhỏ không xác định được khối lượng. H1 lại đối tượng giám định 2,543g ma túy loại cần sa và toàn bộ vỏ bao gói mẫu. Cần sa nằm trong danh mục ID, số thứ tự 1 của Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 300.000đ thu giữ của Đ; 2,543g ma túy loại cần sa, 1 hộp nhựa và toàn bộ vỏ bao, gói mẫu làm mẫu vật hoàn lại sau giám định; 1 túi nilon bên trong chứa 35 vỏ túi nilon nhỏ, 3 điện thoại (thu giữ của T, T2, Đ), hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để xử lý trong giai đoạn xét xử và thi hành án. Đối với xe mô tô BKS 34P5 - 0652, ngày 25/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ đều thừa nhận hành vi các bị cáo thực hiện như Cáo trạng đã nêu, nhất trí với Kết luận giám định và công nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T2; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 từ 25 tháng đến 28 tháng tù tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vương Minh T; đề nghị xử phạt bị cáo Vương Minh T từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/6/2023.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/6/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy 2,543g ma túy loại cần sa; 1 hộp nhựa và toàn bộ vỏ bao, gói mẫu làm mẫu vật hoàn lại sau giám định; 1 túi nilon bên trong chứa 35 vỏ túi nilon nhỏ.

+ Tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại IphoneX lắp sim số 0984.356.109 thu giữ của Vương Minh T; 01 chiếc điện thoại Iphone 7, lắp sim số 0375.874.246 thu giữ của Phạm Văn T2 và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus lắp sim số 0393.276.853 thu giữ của Phạm Văn Đ.

+ Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ và số tiền 200.000đ trong tài khoản của bị cáo Phạm Văn Đ.

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang; Điều tra viên; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên,

kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ :

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả nhận dạng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 01/6/2023, tại khu vực bờ sông S thuộc thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương, Vương Minh T có hành vi bán trái phép 2,782g ma túy loại cần sa cho Phạm Văn Đ với giá 300.000đ. Sau đó Đ mang về nhà ở thôn V đưa cho Phạm Văn T2 (là anh em sinh đôi) để bán lại cho Vũ Ngọc C1 với giá 500.000đ. Ngay sau khi C1 nhận ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của chất ma túy đối với xã hội và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán kiếm lời là vi phạm pháp luật và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội. Quá trình điều tra xác định, bị cáo Vương Minh T có hành vi bán trái phép 2,782g ma túy loại cần sa cho Phạm Văn Đ, sau đó Đ đưa gói ma túy cho Phạm Văn T2 để T2 bán lại cho Vũ Ngọc C1 do vậy hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Vương Minh T bán ma túy cho Đ nhưng không biết T2, Đ mua ma túy để mục đích bán lại

cho người khác nên hành vi T thực hiện là độc lập. Các bị cáo Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ là đồng phạm và đều giữ vai trò người thực hành trong vụ án.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ đầu thú về hành vi phạm tội của mình và bị cáo T có tiền sử mắc bệnh tâm thần (bị cáo bị mắc bệnh suy nhược thần kinh (tâm căn suy nhược)) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nhận thức được tác hại của chất ma túy nhưng vẫn bán trái phép cho người khác để kiếm lời do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Vương Minh T thực hiện hành vi phạm tội độc lập; bị cáo Phạm Văn Đ và Phạm Văn T2 là đồng phạm là người thực hành, bị cáo Đ nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T2 nên mức án của bị cáo T2 phải cao hơn Đ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 500.000đ (gồm 300.000đ do Đ giao nộp và 200.000đ đang quản lý tại tài khoản số 1016270488 - ngân hàng V1 mang tên Phạm Văn Đ) là tiền các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền nêu trên.

Đối với 2,543g ma túy loại cần sa được hoàn lại sau giám định là vật cầm lưu hành; 1 hộp nhựa, toàn bộ vỏ bao, gói mẫu làm mẫu vật hoàn lại sau giám định; 1 túi nilon bên trong chứa 35 vỏ túi nilon nhỏ là vật không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy đối với những vật chứng nêu trên.

Đối với 01 chiếc điện thoại IphoneX lắp sim số 0984.356.109 thu giữ của Vương Minh T; 01 chiếc điện thoại Iphone 7, lắp sim số 0375.874.246 thu giữ của Phạm Văn T2 và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus lắp sim số 0393.276.853 thu giữ của Phạm Văn Đ được các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau nhằm mục đích phạm tội nên cần tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại nêu trên.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 34P5 - 0652, ngày 25/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho ông Phạm Văn B (bố của anh Phạm Văn V) là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy, Vương Minh T khai mua của người đàn ông không quen biết, quá trình điều tra không xác định được là ai, ở đâu; Phạm Văn Q cho C1 mượn điện thoại và đi cùng C1 đến nhà T2 nhưng không biết C1 sử dụng và đi mua ma túy; Anh Phạm Văn V cho T mượn xe mô tô nhưng không biết T sử dụng phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép 2,782g ma túy loại cần sa của Vũ Ngọc C1 nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 18/8/2023 Công an huyện B đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với C1 là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T2;

Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vương Minh T;

Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ;

Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 130; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 **25 (hai mươi lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Vương Minh T **24 (hai mươi tư)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/6/2023.

2.3 Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ **24 (hai mươi tư)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/6/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với các vật chứng sau:

+ 2,543g ma túy loại Cần sa, 01 vỏ túi nilon màu trắng viền khoá màu đỏ và 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 286/KL-KTHS ký hiệu T1;

+ 01 hộp nhựa hình trụ, nắp hộp màu hồng, nhãn hiệu Song L1 được niêm phong trong 01 hộp bìa catton niêm phong số 286/KL-KTHS ký hiệu T2;

+ 01 túi nilon màu trắng có nẹp cài viền màu đỏ, kích thước khoảng (8,5x13) cm, bên trong có 35 vỏ túi nilon màu trắng có nẹp cài viền màu đỏ, đều có kích thước khoảng (4,0x7,0)cm;

- Tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, vỏ màu đen, số máy: MQCR2LL/A, số seri: F2NVQGATJCLF, sim số 0984.356.109; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, vỏ màu đen, sim số 0375.874.246 (không kiểm tra được cấu hình cũng

như chức năng bên trong của máy do không khởi động được máy); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, số máy MNR52LL/A; số seri: FCJTQIZWHGOO; sim số 0393.276.853;

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong số H1.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang ngày 10/11/2023).

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ nằm trong tài khoản số 1016270488 mở tại Ngân hàng TMCP N1 (V1) mang tên Phạm Văn Đ.

Tiếp tục phong tỏa số tiền 200.000đ (hủy bỏ việc phong tỏa đối với số tiền còn lại) trong tài khoản số 1016270488 mở tại Ngân hàng TMCP N1 (V1) mang tên Phạm Văn Đ (theo Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 04/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B và Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh huyện B, tỉnh Hải Dương). Việc hủy bỏ phong tỏa tài khoản được thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Vương Minh T, Phạm Văn T2 và Phạm Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV- CA huyện Bình Giang;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hải